

Bản án số: 57/2018/DS-ST

Ngày: 17-05-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt
2. Ông Nguyễn Văn Ghên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng V

Trụ sở: Đường Đ, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lô Bằng G – Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Lê Hiền T – Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm Quản lý pháp chế cho Phòng An Ninh và Phòng Kiểm soát gian lận, Phòng thu hồi nợ pháp lý, Trung tâm thu hồi nợ - Khối Tín dụng tiêu dùng. (Văn bản ủy quyền số 4/2017/UQ-QTRR.17 ngày 22/03/2017).

Địa chỉ: Đường H, phường N, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Ủy quyền lại cho: Chị Nguyễn Kim T, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. (Văn bản ủy quyền số 104/UQTA-QTRR.18 ngày 10/01/2018)

2. Bị đơn: Anh Lê Thành T, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 12 năm 2016 và các lời khai của chị Nguyễn Kim T đại diện cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên Ngân hàng Việt Nam T trình bày như sau:

Vào ngày 23/02/2016, Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T có ký Hợp đồng tín dụng số 20160225-500000-2488 với anh Lê Thành T. Theo hợp đồng, anh T vay số tiền vốn là 15.825.000 đồng (Mười lăm triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng), lãi suất 3.75%/tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân. Phương thức thanh toán trả dần hàng tháng. Theo đó anh T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 22.230.000 đồng (gồm gốc là: 15.825.000 đồng và lãi là 6.405.000 đồng) trong thời hạn 18 tháng. Mỗi tháng trả 1.225.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.405.000 đồng. Bắt đầu thanh toán vào ngày 01/4/2016

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, anh T đã thanh toán cho Công ty tài chính được 6 lần với tổng số tiền gốc và lãi là 7.350.000 đồng, trong đó nợ gốc là 4.044.001 đồng và tiền lãi là 3.305.999 đồng. Từ ngày 12/01/2017 anh T ngưng, không tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính nữa. Số tiền còn lại anh T chưa thanh toán cho Công ty tài chính là 14.880.000 đồng. Trong đó khoản nợ gốc tới hạn là 11.780.999 đồng, lãi tới hạn là 3.099.001 đồng).

Nay chị T đại diện Công ty Tài chính Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T yêu cầu anh Lê Thành T trả số tiền là 14.880.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm tám mươi đồng, trong đó tiền gốc nợ gốc tới hạn là 11.780.999 đồng và lãi tới hạn là 3.099.001 đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và các thủ tục theo pháp luật quy định, nhưng anh Lê Thành T vẫn vắng mặt và không có bất cứ phản hồi ý kiến cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng Việt Nam T đối với anh Lê Thành T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Đ, tỉnh Long An. Hội đồng xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: Tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng Việt Nam T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “ Thời hiệu khởi kiện...tranh chấp hợp đồng là 3 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm”. Từ ngày 12/01/2017 anh Lê Thành T không thanh toán gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận. Ngày 10/01/2018, Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng Việt Nam T khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi nên thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn.

[3] Đối với anh Lê Thành T, dù đã được Tòa án tổng đạt hợp quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là có căn cứ.

[4] Qua yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính, Hội đồng xét xử xét thấy rằng: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 20160225-500000-2488 ngày 23 tháng 02 năm 2016, xác định anh T có vay của Công ty với số tiền là 15.825.000 đồng với lãi suất cho vay là 3.75%/ tháng, mục đích là để tiêu dùng cá nhân, hình thức thanh toán là trả chậm trong vòng 18 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty đã giải ngân, anh T đã nhận đủ tiền và thực hiện nghĩa vụ thanh toán được 6 lần với tổng số tiền là 7.350.000 đồng. Từ ngày 12/01/2017 đến nay đã hết thời hạn thanh toán, anh T vẫn không thanh toán thêm bất cứ tiền gốc và tiền lãi nào khác. Số tiền gốc và lãi còn lại mà anh T phải thanh toán là 14.880.000 đồng (trong đó tiền gốc tới hạn là 11.780.999 và lãi tới hạn là: 3.099.001), vậy anh T đã là vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng, mặc dù Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh T vẫn không thanh toán. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt, cũng không có văn bản phản hồi. Do đó xét yêu cầu của Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên Ngân hàng VN T yêu cầu anh Lê Thành T trả số tiền

14.880.000 đồng (trong đó tiền gốc là 11.780.999 đồng và lãi là: 3.099.001 đồng) là có căn cứ.

[5] Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng VN T không yêu cầu tính lãi suất phát sinh từ ngày khởi kiện cho đến ngày xét xử sơ thẩm và không yêu cầu lãi suất chậm thi hành đối với nghĩa vụ trả tiền nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Thành T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 144, 147, 186 khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng Việt Nam T do chị Nguyễn Kim T đại diện theo ủy quyền về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” đối với anh Lê Thành T.

Buộc anh Lê Thành T trả cho Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 14.880.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng, trong đó tiền gốc là 11.780.999 đồng và lãi là 3.099.001 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Án phí: Anh Lê Thành T phải chịu 744.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng Việt Nam T số tiền 372.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002098 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Thành T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- TAND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đỗ Bình An